

LÝ LỊCH KHOA HỌC
DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐỀN LÀNG LÚC
(Thôn Lúc, xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai)

I. TÊN GỌI VÀ NGUỒN GỐC CỦA DI TÍCH

1. Tên gọi di tích

Tên gọi chính thức của di tích là đền Làng Lúc, là cơ sở tín ngưỡng gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của làng Lúc.

Ngoài tên gọi nêu trên, di tích còn có các tên gọi khác như miếu làng Lúc, đình Làng Lúc. Tên gọi miếu làng Lúc thường được người dân sử dụng trước năm 1996, khi đó di tích chỉ là một ngôi miếu nhỏ được lập nên để thờ ba vị Thành Hoàng làng, thờ vọng Quan Hoàng Bảy và thần linh thổ địa cai quản vùng đất. Từ năm 1996, di tích được tôn tạo lại thành ngôi nhà gỗ 3 gian, các ban thờ trong đền được tạo lập, tượng thờ của Phật giáo, ban thờ Tam Tòa Thánh Mẫu, vua cha Ngọc Hoàng, Quan Trần Triều, Mẫu Thượng Ngàn, Quan Hoàng Bảy,... được bài trí theo kiểu tiền thánh hậu phật; chính quyền địa phương lúc bấy giờ xác định tên gọi di tích là Đình Làng Lúc. Tên gọi này đã được người dân sử dụng phổ biến suốt từ những năm 1996 tới nay. Tuy nhiên, đối chiếu với các tiêu chí về nội dung, cách bài trí và nhân vật được thờ trong di tích chúng tôi xác định di tích thuộc loại hình đền và xác định tên gọi chính thức của di tích là đền Làng Lúc.

2. Nguồn gốc lịch sử của di tích

Về lịch sử của đền Làng Lúc hiện chưa có ghi chép rõ ràng trong sử sách. Sự tích về nhân vật được thờ và lịch sử ngôi đền chỉ được lưu truyền từ đời này sang đời khác qua những câu chuyện kể được truyền miệng trong dân gian, cho đến nay chỉ một số người già còn nhớ được. Theo lời kể của những người cao

niên am hiểu về ngôi đền và các hiện vật còn lưu giữ tại ngôi đền cho thấy đền Làng Lúc đã có lịch sử từ lâu, nhưng các nhân vật được thờ tại đền cách đây đã hơn trăm năm.

Qua phỏng vấn các cụ cao niên người Tày sinh sống tại thôn Làng Lúc cho biết: Khi họ sinh ra đã thấy có ngôi miếu làng Lúc được dựng đơn sơ, vách nứa, mái lợp cọ, diện tích chỉ vài mét vuông, bên trong đặt bát hương bằng ống nứa để nhân dân thắp nhang thờ phụng các vị Thành Hoàng làng và các vị nhiên thần (thổ địa, thần sông, thần núi...) cai quản vùng đất này. Tương truyền Thành Hoàng làng là 3 vị tướng họ Hoàng, những người thuộc nghĩa quân của Danh tướng Quan Hoàng Bảy đã có công đưa người Tày, người Nùng về khai ấp lập làng, dạy nhân dân trồng lúa, phát triển kinh tế, là hậu cứ chuyên đảm bảo phần quân lương cung cấp cho nghĩa quân ra trận khi xưa.

Ngôi miếu lúc bấy giờ được đặt ở dưới một gốc cây cổ thụ, đúng với vị trí tòa đền chính hiện. Hàng năm, dân làng thôn Lúc và các thôn bản lân cận của xã Bảo Hà tổ chức lễ hội vào ngày mùng 7 tháng Giêng âm lịch để tưởng nhớ các vị Thành Hoàng Làng, các vị thần linh cai quản sông, núi, đất đai khu vực này. Mỗi gia đình chuẩn bị một mâm lễ cúng dâng lên các vị thần linh. Sau khi cúng xong họ cùng nhau ăn uống quanh miếu và cùng nhau múa xòe, những điệu xòe truyền thống của người Tày được thực hiện nhằm cầu mong các vị Thành Hoàng và thần linh phù hộ một năm mới người yên vật thịnh, ấm no, hạnh phúc.

Những năm 1975-1976, khi đền Bảo Hà bị trưng dụng làm trụ sở UBND xã và trạm y tế¹, thì tất cả đồ thờ trong di tích được tập hợp về bảo quản tại kho hợp tác xã mua bán của xã. Do đó, việc thờ cúng Quan Hoàng Bảy tại đền Bảo Hà bị gián đoạn. Đến năm 1985, ông Hoàng Văn Dầu – thủ nhang coi sóc miếu Làng Lúc (nay là Đền Làng Lúc) đã xin chân nhang ở bát hương thờ ông Hoàng Bảy về miếu Làng Lúc để nhang khói phụng thờ cùng với ba vị Thành Hoàng làng là ba vị tướng của Ông.

¹ Theo thông tin do ông Nguyễn Văn Chung – nguyên chủ tịch xã Bảo Hà cung cấp.

Đến năm 1996, ngôi đền Làng Lú bị xuống cấp nghiêm trọng, nhân dân Làng Lú đóng góp sức người, sức của cùng sự ủng hộ của du khách thập phương đã tôn tạo di tích thành ngôi nhà gỗ 3 gian vách nửa để tiếp tục nhang khói phụng thờ ba vị Thành Hoàng làng và Quan Hoàng Bảy, cùng với thổ địa...

Đến năm 2003, ngôi đền gỗ 3 gian bị mục nát, nhân dân Làng Lú tiếp tục góp công sức, ủng hộ tiền của tôn tạo lại di tích thành ngôi nhà 3 gian, tường bằng gạch, chát vữa, mái lợp ngói đỏ như hiện nay. Đến năm 2005 ngôi đền được coi nói, xây dựng thêm gian trung từ và hậu cung. Đến năm 2019, các tượng thờ trong di tích bị mục ruỗng, không thể tiếp tục sử dụng, nên nhân dân Làng Lú đã thay thế tất cả các tượng thờ bằng chất liệu gỗ mít và bài trí như hiện nay.

Cho đến nay đền Làng Lú đã trải qua nhiều đời thủ nhang coi sóc, họ đều là những người lớn tuổi trong làng, có sự am hiểu về lịch sử của ngôi đền và các vị thần linh được thờ phụng trong đền. Theo lời kể của các cụ cao niên cho biết, cho đến nay đã có 6 cụ được nhân dân bầu ra để làm nhiệm vụ coi sóc ngôi đền. Đầu thế kỷ 20, ông Hoàng Văn Tờ giữ nhiệm vụ coi sóc hương khói cho ngôi đền, sau đó đến đời con của ông Hoàng Văn Tờ là ông Hoàng Văn Dầu làm thủ nhang và sau đó lần lượt tới các ông Hoàng Văn Sai, Hoàng Văn Quyền, Hoàng Văn Lếch, và hiện nay là ông Hoàng Văn Thay làm thủ nhang coi sóc ngôi đền cùng với các vị cao niên trong Làng Lú.

Có thể nói, hiện nay ngôi đền chỉ được xây dựng với diện tích nhỏ hẹp, các bàn thờ chưa đầy đủ, nhưng ngôi đền luôn là nơi sinh hoạt tâm linh quan trọng, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người dân địa phương và đang ngày càng thu hút đông đảo du khách thập phương về chiêm bái.

Trải qua thời gian, ngôi đền đã xuống cấp và nhiều lần được tu sửa, mở rộng hơn nhưng vị trí của ngôi đền không thay đổi. Ngôi đền Làng Lú được xây dựng ở thế đất phong thủy, sơn thủy hữu tình đã trở thành linh hồn, là điểm sinh hoạt tâm linh, điểm tựa tinh thần vững chắc của nhân dân xã Bảo Hà trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh bảo vệ và xây dựng tổ quốc. Đồng thời, ngôi đền Làng Lú còn là nơi thực hành lễ hội xuống đồng (Lồng Tồng) của người Tày –

một di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; nơi tổ chức hội chợ trâu truyền thống để lựa chọn ra con trâu thắng trận dâng lên Quan Hoàng Bảy trong lễ hội Đền Bảo Hà – di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG LÝ LỊCH DI TÍCH

- Căn cứ Luật Di sản Văn hóa ban hành ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009.

- Căn cứ Nghị định 98/2010/NĐ-CP ban hành ngày 21/9/2010 của Chính phủ V/v Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Di sản văn hóa và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật Di sản văn hóa.

- Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Quy định nội dung hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

- Căn cứ công văn số 2312/BVHTTDL-DSVH ngày 15/7/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bảo vệ cấp thiết di tích lịch sử tại 07 tỉnh biên giới phía Bắc;

- Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của tỉnh.

- Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 23/2/2018 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018 - 2023;

- Căn cứ văn bản 1621/UBND-VHTT ngày 22/10/2020 của UBND huyện Bảo Yên về việc khảo sát, lập hồ sơ khoa học di tích đền Làng Lúc, xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên.

III. ĐỊA ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG DẪN ĐẾN DI TÍCH

1. Địa điểm phân bố di tích

Di tích đền Làng Lúc tọa lạc tại thôn Làng Lúc, xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Đền được xây dựng trên một thềm đất đẹp sơn thủy hữu tình, ngay bên cạnh dòng suối Nậm Lúc quanh năm nước chảy, gần đường quốc lộ 279 thuận lợi về giao thông cho du khách đến thăm quan, chiêm bái.

Thôn Lúc thuộc xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên. Xã Bảo Hà là vùng đất cổ, trải dài theo lịch sử hình thành và phát triển, Bảo Hà có các mốc lịch sử chủ yếu sau:

Thời cổ đại, vùng đất Bảo Hà thuộc bộ Giao Chỉ, là một bộ phận của lãnh thổ nước Văn Lang (2879 - 258 TCN). Đến thời đại nhà nước Âu Lạc (257-207 TCN), Bảo Hà thuộc bộ Tây Vu. Thời kỳ Bắc thuộc, từ năm 207 TCN (đời nhà Triệu) đến năm 226 SCN (đời Đông Hán) vùng đất Bảo Hà thuộc quận Giao Chỉ. Dưới thời nhà Tần, Tống, Tề, Lương, Tấn (từ năm 226 - 589) vùng đất Bảo Hà thuộc Giao Châu. Từ năm 589 - 618 (đời nhà Tùy) Bảo Hà nằm trong phủ Phong Châu thuộc quận Giao Chỉ. Thời Đường (618 - 907 SCN) thuộc Châu Chu Quý, sau này đổi thành châu Quy Hoá. Triều Đường Cao Tổ (Trung Quốc) năm 622 Nhà Đường đặt phủ đại Tổng Quản Giao Châu để kiêm trị 10 châu trong đó có châu Chu Quý. Như vậy, thời kỳ này Bảo Hà thuộc Châu Chu Quý. Đến năm 907, họ Khúc dấy nghiệp thành công, khôi phục quyền tự chủ đất nước và sửa đổi cơ cấu lãnh thổ lấy “Lộ” thay “Châu”, do đó châu Chu Quý thành lộ Chu quý vẫn nằm trong phạm vi đất Phong Châu. Năm 968 sau khi dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất các vùng miền, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, chia nước ta thành 10 đạo, áp dụng thể chế quân quản. Thượng nguồn Nhị Thủy (Sông Hồng) và Trôi Hà (Sông Chảy) được sáp nhập vào Đạo Bắc, vùng đất Bảo Hà ngày nay thuộc phủ Đại Đồng Trung Đạo Bắc. Lúc này Bảo Hà là một xóm bên sông của Động Khảo Bàn.

Đời Nhà Lý (1010-1225), vua Lý Thái Tổ chia cả nước thành 24 lộ, theo đó vùng đất Bảo Hà ngày nay thuộc phủ Đại Thông. Cụ thể: Năm 1033 đời vua Lý Thái Tông đã cử binh lên trấn an Lâm Tây và Đại Thông, tiến hành giáo hoá các bộ tộc miền núi, đặt tên chung cho vùng Tây Nam Phú Lương, Đông Bắc Đại Thông và toàn Lâm Tây là Đăng Châu. Bảo Hà mang tên trạm “Trám Hà” chuyên sửa thuyền, không phải là đơn vị hành chính mà thuộc đông Khảo Bàn. Cuối đời vua Lý Huệ Tông, Khảo Bàn (*trong đó, có vùng đất Bảo Hà ngày nay*) nằm trong huyện Văn Bàn, châu Quy Hoá⁽²⁾.

Đời Trần (1225 - 1400), trạm Trám Hà được giao nhiệm vụ khám tra thuyền bè qua lại nên mang tên mới “Khám Hà” nằm trong Đăng Châu. Đời nhà Hồ (1400 - 1407) vùng đất Bảo Hà thuộc trấn Thiên Hưng. Thời thuộc Minh (1414 - 1427) đổi tên Thiên Hưng thành trấn Hưng Hoá. Đời Hậu Lê đổi tên “trạm Khám Hà” thành “Vệ Khám Hà” rồi “Bảo Trấn Hà”. *Đời Nguyễn Tây Sơn xác định Bảo Trấn Hà là cứ điểm phòng thủ khi quân Thanh xâm nhập và gọi tắt là “Bảo Hà”*. Năm 1837 - 1838 đổi xã Động Khảo Bàn thành xã Khảo Bàn.

²⁰ Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Liễn, *Bảo Yên văn hoá - lịch sử - du lịch*, Nxb Giao thông vận tải, 2004, trang 19.

Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) châu lỵ Văn Bàn đặt tại xã Khảo Bàn (Bảo Hà ngày nay nằm trong xã Khảo Bàn).

Đầu thời kỳ Pháp thuộc, Bảo Hà chuyển từ hữu ngạn sông Hồng (xã Tân An ngày nay) sang tả ngạn, vẫn là một thôn của Động Khảo Bàn về mặt hành chính; song về mặt quân sự Bảo Hà được chọn làm vị trí đặt sở chỉ huy tiểu đạo nên thường gọi tiểu đạo Bảo Hà nằm trong đạo quan binh 3 rồi đạo quan binh 4 kéo dài từ 1886 - 1905 mới giải thể. Năm 1905, các vùng Bảo Hà, Dương Quý được chuyển sang bộ phận dân sự. Năm 1910, sáp nhập hai huyện Văn Bàn và Lục Yên vào tỉnh Yên Bái, huyện Văn Bàn trước đây vốn là một châu thuộc phủ Quy Hoá tỉnh Hưng Hoá, có 2 tổng 9 xã. Trong đó, tổng Tổng Văn Bàn có 5 xã: Văn Bàn, Xuân Giao, Khánh An, Châu Quế, Khảo Bàn; Tổng Vũ Lao có 4 xã: Vũ Lao, Kế Dương, Phú Nhuận, Ngòi Thâm.

Năm 1926 thành lập xã Bảo Hà gồm 4 đơn vị: phố Bảo Hà, xóm Ga, xóm Lang Khay, phố Tân An; lập tổng Bảo Hà gồm 3 xã: Bảo Hà, Khảo Bàn, Văn Bàn, trực thuộc huyện Trấn Yên tỉnh Yên Bái. Đến cách mạng tháng Tám năm 1945 giữ nguyên xã Bảo Hà, trả xóm Lang Khay về Lang Khay, tách phố Tân An để lập xã Tân An. Bỏ xã Khảo Bàn, nhập các thôn Bùn, Chắp⁽³⁾, Lúc, Bùn Hạ, Bùn Thượng, Bông, Chùn, Choong, Khoai của xã Khảo Bàn cũ vào xã Bảo Hà. Từ tháng 3 năm 1947 đến tháng 6 năm 1948 huyện Bảo Hà mới thành lập. Từ ngày 28 tháng 2 năm 1948 đến ngày 21 tháng 10 năm 1949 vùng đất Bảo Hà bị giặc Pháp tạm chiếm. Từ ngày 22 tháng 10 năm 1949 trở về huyện Văn Bàn. Ngày 16 tháng 12 năm 1964 sáp nhập Bảo Hà cùng một số xã khác để thành lập huyện Bảo Yên nằm trong tỉnh Yên Bái. Từ năm 1976 đến năm 1991 Bảo Hà thuộc huyện Bảo Yên tỉnh Hoàng Liên Sơn. Từ tháng 10 năm 1991 đến nay Bảo Hà thuộc huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai⁴.

Hiện nay, xã Bảo Hà nằm bên tả ngạn sông Hồng, cách trung tâm huyện lỵ Bảo Yên 23 km về phía Tây Nam trên tuyến Quốc lộ 279. Phía Tây xã Bảo Hà giáp sông Hồng và các xã Tân An và Tân Thượng (huyện Văn Bàn), phía Bắc giáp xã Kim Sơn, phía Đông giáp xã Minh Tân, Yên Sơn (huyện Bảo Yên), phía Nam giáp xã Lang Thíp (huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái).

Xã Bảo Hà có tổng diện tích tự nhiên 6.651,89 ha, dân số 10.472 nhân khẩu⁵, gồm 10 dân tộc anh em cùng chung sống như: Tày, Mông, Dao, Kinh,... Trong đó, người Kinh chiếm 59,9%, người Tày chiếm 19,4%, người Dao chiếm 11,5%, người Mông chiếm 7,6%,... Địa giới hành chính xã Bảo Hà được phân chia thành 24 thôn bản gồm: Bùn 1, Bùn 2, Bùn 3, Bùn 4, Liên Hà 1, Liên Hà 2, Liên Hà 3, Liên Hà 4, Liên Hà 5, Liên Hà 6, Liên Hà 7, Liên Hải, Lâm Sản, Bảo

³⁰ Là tên gọi trước đây của bản Tấp ngày nay.

⁴ Lịch sử Đảng bộ xã Bảo Hà (1949-2010), NXB Thông tin và truyền thông, tr.21.

⁵ Báo cáo của xã Bảo Hà tính đến thời điểm ngày 30/11/2020.

Vinh, Khoai 1, Khoai 2, Khoai 3, Tấp 1, Tấp 2, Lúc, Bông 1, Bông 3, Bông 4, Bản Chùn⁶.

Mỗi dân tộc đến cư trú ở Bảo Hà đã chọn cho mình những điểm quần cư riêng để sinh sống. Vì thế mà bản sắc văn hoá riêng của đồng bào dân tộc nơi đây vẫn đang được bảo tồn và phát huy trong sự phát triển chung của toàn xã hội. Người Tày, Nùng chọn những thung lũng, nơi thuận lợi cho việc phát triển lúa nước và chăn nuôi gia súc; Người Dao chọn vùng lưng chừng đồi gần nguồn nước để làm nương rẫy; Đồng bào Mông ở trên triền núi cao, rừng sâu, những miền đất mới được khai phá để quần tụ. Người Kinh tập trung nơi thuận lợi cho việc đi lại và buôn bán hàng hoá.⁷

Lễ hội truyền thống ở Bảo Hà đa dạng và phong phú. Đặc biệt vào mùa xuân với lễ hội xuống đồng của người Tày, lễ hội Gầu tào của người Mông, lễ hội cúng rừng của người Dao... Các lễ hội được tổ chức không chỉ cầu trời, cầu thần sấm, thần mưa, chúa đất, thần linh cai quản sông suối... ban cho dân bản sức khoẻ, mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu. Lễ hội còn là nhân dịp để giáo dục cho con cháu truyền thống uống nước nhớ nguồn, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, là nơi giao lưu tình cảm giữa các dân tộc anh em trong thôn bản, cũng như trong xã. Mỗi dân tộc đều có kho tàng nghệ thuật dân gian riêng của mình, thể hiện tâm tư tình cảm và nhận thức của họ về thế giới tự nhiên, xã hội và những ước mơ, khát vọng về cuộc sống ấm no hạnh phúc. Các loại hình nghệ thuật dân gian được thể hiện hết sức tinh tế qua những bài then, bài cúng, những câu chuyện cổ, những bài hát giao duyên của người Dao, múa sinh tiền của người Mông, múa xoè của người Tày hay hát Chèo, hát Châu Văn của người Kinh,....

Văn hoá tâm linh ở Bảo Hà gắn liền với địa danh lịch sử Đền Bảo Hà. Ngôi đền linh thiêng nằm dưới chân đồi Cẩm bên dòng sông Hồng có cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp với nét kiến trúc độc đáo. Theo truyền thuyết đền thờ vị tướng Hoàng Bả (đời nhà Lê, niên hiệu Cảnh Hưng 1740 -1789) có công đánh đuổi giặc phương Bắc và các toán thổ phi, chiêu mộ dân cư ly tán xây dựng vùng đất Khảo Bàn (Bảo Hà, Kim Sơn, Cam Cọn, Tân An, Tân Thượng ngày nay) thành vùng đất trù phú trong gần nửa thế kỷ. Hội chính ở đền Bảo Hà được tổ chức vào ngày 17 tháng 7 âm lịch (ngày giỗ tướng Hoàng Bả) thu hút đông đảo du khách thập phương tham gia. Trong lễ hội có tổ chức rước kiệu, tế thần, dâng hương tưởng niệm cùng các hoạt động văn hoá, thể thao mang tinh thần thượng võ, giàu sắc thái lịch sử, văn hóa dân gian. Ngoài đền Bảo Hà, ở bản Tấp, bản Bùn cũng có các miếu thờ Thành Hoàng⁸ và những người đã có công

⁶ Theo số liệu UBND xã Bảo Hà cung cấp, năm 2020.

⁷ Lịch Sử Đảng bộ xã Bảo Hà, tr.12

⁸ Lịch sử đảng bộ xã Bảo Hà, tr.14

khai phá các vùng đất. Riêng Bản Lúc đã hình thành một ngôi đền thờ Thành Hoàng làng khá quy mô thu hút đông đảo khách thăm quan hằng năm.

Thôn Lúc là 1 trong 24 thôn bản của xã Bảo Hà, là một thôn được hình thành từ lâu đời. Phía tây tiếp giáp Bản Liên Hà, Phía Bắc giáp Bản Khoai 3, phía Đông tiếp giáp Bản Tấp 2, phía Nam tiếp giáp thôn Làng Đam xã Lang Thíp. Thôn Lúc có diện tích 540,4ha, với 161 hộ dân, 629 khẩu đang sinh sống, các dân tộc gồm: Tày, Dao, Mông,... trong đó đồng bào người Tày chiếm chủ yếu. Di tích đền Làng Lúc tọa lạc ở giữa thôn, bên bờ suối Nậm Lúc quanh năm nước chảy. Bao quanh ngôi đền là cánh đồng Tàng Luông màu mỡ và vườn cây ăn trái của các hộ dân tạo nên phong cảnh hữu tình. Hiện nay UBND xã Bảo Hà đang quy hoạch mở rộng quỹ đất sử dụng cho ngôi đền, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

2. Đường đến di tích

Đến với di tích đền Làng Lúc, du khách có thể đi bằng nhiều con đường và các loại phương tiện khác nhau. Đường đến di tích có thể đi bằng đường bộ hoặc đường sắt.

- Đi bằng đường bộ:

+ Đi theo Quốc lộ 70: Từ trung tâm thành phố Lào Cai đi theo quốc lộ 70 hướng Lào Cai – Phố Lu – Bảo Yên khoảng 70km đến ngã ba thị trấn Phố Ràng theo hướng rẽ đi Bảo Hà khoảng 19 km là đến di tích đền Làng Lúc.

+ Đi theo đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Từ trung tâm thành phố Lào Cai đi theo đường cao tốc Lào Cai – Hà Nội tới nút cao tốc IC 16, rẽ vào Bảo Hà, tiếp tục di chuyển theo quốc lộ 279 về hướng đi Bảo Yên đến km số 87 là đến di tích đền Làng Lúc.

+ Nếu di chuyển bằng đường sắt, du khách xuống ga Bảo Hà tiếp tục di chuyển bằng ô tô hoặc xe máy theo đường quốc lộ 279 về hướng đi Bảo Yên đến km số 87 là đến di tích đền Làng Lúc.

IV. PHÂN LOẠI DI TÍCH

Đền Làng Lúc được lập nên để phụng thờ 3 vị thành hoàng đã có công chống giặc ngoại xâm và khai phá vùng đất, tương truyền là 3 vị tướng của nghĩa quân Nguyễn Hoàng Bỉnh, cùng vị danh tướng Nguyễn Hoàng Bỉnh – vị tướng tài ba đã nhiều lần đánh thắng giặc phương bắc xâm lược vào thời Lê những năm đầu thế kỷ 18. Ngôi đền mang trong mình những giá trị quan trọng về văn hóa, lịch sử và tâm linh. Đó là nơi ghi dấu truyền thống đấu tranh quật cường của người dân Bảo Hà nói chung và người dân làng Lúc nói riêng trong

cuộc chiến chống giặc phương bắc xâm lược, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và công cuộc xây dựng tổ quốc. Ngôi đền có sức ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống của nhân dân nơi đây. Đó là nơi sinh hoạt tâm linh, là chỗ dựa tinh thần của người dân, đồng thời là nơi giáo dục truyền thống cách mạng, niềm tự hào dân tộc cho các thế hệ, các dân tộc ở Bảo Hà.

Căn cứ vào đặc điểm của di tích và lịch sử nhân vật được thờ trong di tích; đối chiếu với quy định tại Điều 28 Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Khoản 1 Điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; quy định tại Điều 11 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ban hành ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Di sản văn hóa và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật Di sản văn hóa, xác định di tích đền Làng Lúc, xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên thuộc loại hình: **Di tích lịch sử - văn hóa.**

V. SỰ KIỆN, NHÂN VẬT LỊCH SỬ

Từ thời nguyên thủy, Bảo Hà là địa bàn cư trú của người Việt cổ, đến cuối thời Lê đầu thời Nguyễn, có thêm một số dân tộc khác đến cư trú như: Dao, Kinh, Tày, Xá Phó, Nùng... những cư dân mới đến cùng với người bản địa tiến hành khai phá những cánh đồng bản Tấp, bản Lúc, bản Bùn,... Đến đầu những năm 1960 (thế kỷ XX), Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng kinh tế mới, đồng bào người Kinh từ miền xuôi lên khai hoang khiến dân số xã Bảo Hà tăng nhanh. Sự hình thành và phát triển của cộng đồng người trải qua quá trình lâu dài gắn liền với những biến động của lịch sử, văn hóa, xã hội đã tạo nên mối tình đoàn kết keo sơn gắn bó của cộng đồng các dân tộc ở Bảo Hà.

Theo lời kể của các cụ cao niên ở làng Lúc, ngôi đền Làng Lúc được khởi dựng để thờ ba vị tướng của Quan Nguyễn Hoàng Bấy đã có công đánh đuổi giặc phương Bắc, đồng thời là những người có công khai ấp, lập làng, dạy nhân dân bản Lúc làm ăn phát triển kinh tế cung cấp quân lương cho tướng Nguyễn Hoàng Bấy đánh giặc vào thời nhà Lê ở thế kỷ XVIII. Sau khi các ngài thác, để tưởng nhớ công ơn, người dân làng Lúc đã tôn các ngài là Thành hoàng làng và phụng thờ từ đó tới nay.

Theo sử sách ghi chép, vào cuối thời Lê niên hiệu Cảnh Hưng từ khoảng những năm 1740 đến năm 1786 khắp vùng Quy Hóa thuộc châu Thủy Vỹ, châu Văn Bàn (là khu vực Bảo Hà ngày nay) luôn bị giặc phương Bắc cướp phá, xâm chiếm giết hại dân lành. Khi đó, triều đình nhà Lê đã cử viên tướng thứ Bảy họ Nguyễn lên trấn thủ Quy Hoá. Danh tướng họ Nguyễn đưa đội quân tiến dọc sông Hồng đánh đuổi quân giặc, giải phóng Khẩu Bàn và xây dựng Bảo Hà

thành căn cứ lớn chờ thời cơ tiến đánh quân xâm lược trên vùng đất Lào Cai ngày nay. Tại đây danh tướng đã tổ chức kêu gọi các thổ ty, tù trưởng luyện tập binh sỹ, xây dựng làng mạc, xóm làng, khai phá ruộng nương để tạo thế và lực phục vụ lâu dài cho cuộc chiến với quân giặc...⁹.

Truyền thuyết kể lại rằng¹⁰, trong số quân lính của tướng Nguyễn Hoàng Bỉnh có 3 anh em họ Hoàng sau nhiều lần theo ông đánh giặc, khi đánh đuổi được giặc ở vùng biên giới, ba ông xin lệnh tướng Nguyễn Hoàng Bỉnh đi tìm vùng đất mới để đưa dân đến khai khẩn ruộng nương, lập làng lập bản, tạo kế lâu dài, làm nơi luyện tập binh sỹ và cung cấp lương thực cho nghĩa quân. Sau nhiều ngày tìm kiếm, ba anh em họ Hoàng chọn vùng đất thuộc bản Lúc ngày nay để lập bản. Vùng đất bản Lúc là vùng đất trũng, xung quanh được bao bọc bởi núi đồi, nơi đây có dòng suối Nậm Lúc chảy quanh năm, đất đai màu mỡ,... thuận lợi cho việc trồng lúa, phát triển nông nghiệp. Do đó, ba ông đã quyết định dừng chân, chiêu mộ đồng bào người Tày, người Dao từ những vùng lân cận cùng về đây hội tụ lập làng, lập bản, khai khẩn đất đai tăng gia sản xuất, cung cấp quân lương cho đội quân của Tướng Nguyễn Hoàng Bỉnh đánh giặc. Sau nhiều năm cùng đồng bào người Tày, người Dao khai khẩn đất đai lập lên bản làng, ba anh em họ Hoàng cùng người dân nơi đây khai phá được 4 cánh đồng lớn, đặt tên là Cốc Trầm, Tàng Luông, Nà Kê, Cốc Tún. Khi đã xây dựng được bản làng (làng Lúc ngày nay), khai phá ruộng nương, ba ông ngày đêm dạy dân trồng lúa nước, trồng ngô, sản xuất lương thực phục vụ cho đời sống hàng ngày của nhân dân và chi viện cho quân sỹ của tướng Nguyễn Hoàng Bỉnh thêm hùng mạnh, tiếp tục đánh đuổi giặc phương Bắc ra khỏi bờ cõi nước ta.

Sau khi các ông mất đi, để tỏ lòng tôn kính với những công lao to lớn của 3 vị tướng họ Hoàng trong việc lập làng, khai khẩn ruộng nương dạy dân trồng lúa, nhân dân trong bản Lúc đã tôn các ông là Thành Hoàng làng và lập một ngôi miếu thờ ba ông ở vị trí giữa làng Lúc. Miếu thờ được dựng lên bên cạnh cây đa cổ thụ, dòng suối mát chảy quanh năm, phía trước là cánh đồng Tàng Luông màu mỡ. Hàng năm nhân dân làng Lúc lấy ngày mùng 7 tháng Giêng là ngày giỗ của ba ông¹¹.

Từ cuối thế kỷ 19, giặc Cờ Vàng từ bên kia biên giới thường xuyên sang quấy nhiễu các vùng đất giáp biên, sau đó chúng kéo xuống các vùng đất nằm sâu trong nội tỉnh để cướp phá, chúng thường xuyên tàn phá các công trình văn

⁹ Lý lịch khoa học đền Bảo Hà – tài liệu lưu trữ tại Sở VH-TTDL tỉnh Lào Cai.

¹⁰ Theo lời các cụ cao niên trong thôn Lúc kể lại.

¹¹ Theo lời kể của các cụ cao niên trong làng Lúc

hóa, đền chùa... đặc biệt là đền Bảo Hà. Đến những năm cuối thế kỉ 19, đền Bảo Hà chỉ còn lại một am miếu nhỏ do người dân dựng lại sau khi bị phá hủy, đến đầu thế kỉ XX (khoảng những năm 1906 – 1910) cùng với việc xây dựng tuyến đường sắt Hải Phòng – Côn Minh (Trung Quốc) đi qua xã Bảo Hà, nhân dân Bảo Hà và các nhà hảo tâm đã cùng nhau quyên góp xây dựng lại đền Bảo Hà khang trang hơn. Các dòng họ lớn ở địa phương luân phiên nhau quản lý, hương khói cho ngôi đền từ dòng họ Lự đến dòng họ Lương, Hoàng. Trong cuộc chiến tranh chống Thực dân Pháp, Đế quốc Mỹ xâm lược, ngôi đền thờ Quan Hoàng Bảy bị xuống cấp và việc thờ cúng cũng ít nhiều bị gián đoạn. Sau này, ngôi đền còn được chính quyền địa phương trưng dụng làm trạm y tế, và trụ sở xã Bảo Hà. Trước tình hình đó, ông Hoàng Văn Dẫu – thủ nhang coi sóc miếu Làng Lúc lúc bấy giờ đã làm lễ xin chân nhang ở bát hương thờ Quan Hoàng Bảy rước về thờ vọng tại miếu để tiếp tục thờ phụng cùng 3 vị Thành Hoàng làng Lúc. Kể từ đó tới nay, ngôi đền Làng Lúc trở thành nơi thờ các vị Thành Hoàng làng và nơi thờ vọng Quan Hoàng Bảy, cùng các vị thần linh cai quản vùng đất.

Ngôi đền Làng Lúc được xây dựng ở xã Bảo Hà – vùng đất giàu truyền thống cách mạng và những con người anh dũng. Kể từ khi dựng nước vùng đất Bảo Hà luôn có vị trí chiến lược về quân sự và giữ vị trí quan trọng trong tuyến giao thông huyết mạch... Ngôi đền Làng Lúc đã chứng kiến nhiều sự kiện và dấu mốc lịch sử quan trọng diễn ra tại Bảo Hà trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp những năm 1950 và kháng chiến chống Mỹ những năm 60. Năm 1950, làng Lúc từng là nơi đóng trụ sở huyện ủy Văn Bàn, nhân dân làng Lúc nói riêng và nhân dân xã Bảo Hà nói chung đã luôn đoàn kết tạo lá chắn bảo vệ cơ quan đầu não của cách mạng. Hồi tưởng thời kỳ cách mạng đầy gian khổ nhưng rất đỗi tự hào này, đồng chí Hà Xuân Tín⁽¹²⁾, cán bộ làm công tác hậu địch của huyện Văn Bàn hoạt động tại địa bàn xã Bảo Hà trong thời gian pháp tạm chiếm (từ 1947 - 1949) viết: ...*“Cây đa làng Lúc nhớ thương/ Kháng chiến chống Pháp huyện thường ở đây/ Gốc cây khe suối che trời/ Máy bay giặc Pháp đến soi thấy gì?/ Hàm hố vững chắc can chi/ Cơ sở cách mạng để đi Văn Bàn/ 1950 giặc Pháp rút đồn/ Làng Ken, Làng Cóc, chẳng còn giặc tây/ Văn Bàn giải phóng từ đây/ Huyện ta rút khỏi cây đa Bảo Hà/ Em gồng, anh gánh qua sông/ Đường mòn*

¹²⁰ Cán bộ tiền khởi nghĩa.

khe Léch vào trong Văn Bàn”... Khi đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc vào những năm 1960, đến cuối năm 1964 và năm 1972 làng Lúc lại trở thành nơi trú ẩn cho cơ quan đầu não của Bảo Hà, tiếp tục che chở cho quân kháng chiến góp phần quan trọng vào thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân và dân Văn Bàn.

Trải qua hàng trăm năm tồn tại và phát triển cùng những thăng trầm của lịch sử, từ một ngôi miếu nhỏ được lập nên để thờ thần linh và các vị Thành Hoàng làng xưa kia, hiện nay đền Làng Lúc đã trở thành một ngôi đền xây cấp bốn khá kiên cố đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân và du khách thập phương. Ngôi đền Làng Lúc luôn là điểm tựa tinh thần vững chắc cho người dân Bảo Hà trong suốt quá trình đấu tranh bảo vệ và xây dựng tổ quốc.

VI. SINH HOẠT TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN

1. Các nghi lễ chính tại di tích

Lễ hội đền Làng Lúc được tổ chức vào ngày mùng 7 tháng Giêng âm lịch hàng năm. Đây là ngày kỵ của 3 vị Thành Hoàng làng và cũng là ngày này tổ chức lễ hội xuống đồng (Lồng Tồng) – Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Lễ hội được tổ chức nhằm cầu cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu, con người khỏe mạnh, chăn nuôi phát triển.

Theo lời kể của các cụ cao niên ở Làng Lúc, vào đầu thế kỷ 20, lễ hội ở đền chỉ được tổ chức với quy mô nhỏ, bởi dân cư trong vùng chưa đông và những quan niệm chưa phù hợp trong việc tổ chức các lễ hội dân gian. Mỗi khi lễ hội diễn ra, cả các gia đình trong thôn sẽ chuẩn bị mâm lễ để cùng nhau dâng lên các vị Thành Hoàng làng và thần linh, cầu mong các vị phù hộ cho một năm ngũ cốc phong đăng, người yên vật thịnh. Kết thúc lễ cúng, mọi người trong làng cùng ăn uống tại đền và cùng nhau xòe điệu xòe truyền thống của dân tộc. Từ sau những năm 1954 đến những năm 1990 do ảnh hưởng của chiến tranh và chính sách bài trừ mê tín, dị đoan, lễ hội ở đền Làng Lúc bị gián đoạn trong một thời gian dài. Đến sau năm 2000, lễ hội đền Làng Lúc bắt đầu được khôi phục và tổ chức đều đặn gắn với lễ hội xuống đồng truyền thống của người Tày. Thời gian tổ chức lễ hội chung này được lấy theo ngày tổ chức lễ đền là ngày mùng 7 tháng Giêng âm lịch.

Lễ đền được tổ chức đều đặn, đúng các nghi thức của đồng bào từ xưa truyền lại. Ngày lễ chính bao giờ cũng phải mổ lợn, con lợn do dân bản tự nuôi trong năm, gà luộc, xôi màu, cá nướng, măng rừng và các loại rau hái theo mùa thành kính dâng lên các thần linh. Cùng với mâm lễ dâng trong đền, dân bản còn phải chuẩn bị mâm lễ để tạ ơn thần linh trong lễ hội xuống đồng truyền thống, lễ

vật gồm có gà, xôi, rượu, tiền vàng. Địa điểm cúng lễ là tại chân cây nêu của lễ hội. Sau khi nghi lễ được tổ chức xong, thầy mo và một số người cao tuổi trong thôn sẽ tiến hành tung còn trước, từng quả còn được ném lên vòng nhật nguyệt được dán bằng giấy màu trên ngọn cây nêu. Sau đó, các quả còn mới được giao lại cho thanh niên cùng vui chơi, ném còn. Họ sẽ ném đến khi quả còn làm rách được mặt giấy của vòng nhật nguyệt, khi ném rách mọi người lại kéo nhau về sân đền Làng Lùc để cùng uống rượu, cùng múa những điệu xòe cổ của dân tộc.

Nghi thức làm lễ tại đền Làng Lùc trong ngày lễ chính tại đền. Khi dân làng đã tập hợp đông đủ tại đền người thủ nhang sẽ làm lễ cúng thành kính dâng lễ vật lên các vị thần linh, cầu các thần phù hộ cho con người sức khỏe, mùa màng bội thu. Bài cúng trong lễ hội đền Làng Lùc như sau¹³:

Phiên âm tiếng Tày:

- *Lay đế, lay đế, lai đế hương pai xa
va pai sinh hương pai lốt bóc pai
thông lay phi đồng phương tây*
- *Sinh thâng Phật thíp phương*
- *Sinh thâng chay cải phương*
- *Sinh thâng vua quan Ngọc Hoàng,
Nam Tào, Bắc Đẩu*
- *Sinh thâng tàng cá quan thần nháu
hua mừng sinh phai quan thân
luông hua sản*
- *Sinh thâng Quan Hoàng Bảy*
- *Sinh thâng tham tôi mùa thầu*
- *Sinh thâng quan thần linh thổ địa*
- *Sinh thâng quan thân bù thân thông
thân khuổi, thân long*
- *Sinh thâng quan thân bù khuổi đến,
sinh thâng bù đán đeng, sinh thâng
bù khuổi pại*

Dịch nghĩa:

- Kính lay, kính lay, kính lay*
- Nhất tâm hương hoa thỉnh*
- Kính lay Đông Phương, Bắc
Phương, Nam Phương*
- Kính lay Phật mười phương*
- Kính lay chay chín hương*
- Kính lay vua cha Ngọc Hoàng,
Nam Tào, Bắc Đẩu*
- Kính lay tất cả hội đồng quan lớn
đầu làng đầu bản*
- Kính lay Quan Hoàng Bảy cùng ba
cụ già đời về trước, chín cụ già đời
về sau*
- Kính lay quan thần linh, Sơn Thần,
Thổ Địa cùng thần núi thần sông,
thần Khe Suối*
- Kính lay thần núi Khuổi Đến, thần
núi Đán Đen, thần núi Khuổi Pại*

¹³ Bài cúng lễ hội ở đền Làng Lùc do ông Hoàng Văn Ngoan, sinh năm 1963 được bố của ông là ông Hoàng Văn Lếch – thủ nhang trông coi đền truyền lại.

- *Coi chưa căn má xa căn lại*
- *Báu ử báu lự chắc bầu bắc bầu lự
tên đắp bươn cẩu khảm bươn cáp đắp
bươn lạp khảm ngài chiêng*
- *Mự nay chắt kham bươn chiêng pi
chở lực lan đất lườn thọ họ Hoàng,
họ Trần, họ Nguyễn cùng bách gia
trăm họ*
- *Chứng thăm lệ cầu tông hết hội vui
xuân sinh các vua quan quan sinh
các thân thánh lại*
- *Chứng mí tua mu có bo mu luông*
- *Chứng mí tua cáy có bo cái đeng*
- *Chứng mí bâm thắc tham pàn thắc
hả*
- *Chứng mí khẩu nua khao khẩu meo
ón*
- *Chứng mí trà hom ngầu lầu hom
van*
- *Chứng mí miêu táng lạc mác táng
puông*
- *Chứng mí hương piếng vàng táng
bỏ*
- *Chứng mí hương pai xa và pai sinh*
- *Hương pai lợt bóa pai thâng coi
chùa*
- *Căn má xa căn lại coi kin le coi cùm*
- *Cùm au chắt thíp lườn mừng khà hả
thíp lườn mừng lầu*
- *Cùm au lực au an bầu hau chấp
lóng đảy khảy lông thâng*

*Cúng cáo hết năm cũ sang năm
mới*

*Hôm nay ngày Bảy tháng Giêng
năm Canh Tý*

*Chúng con Họ Hoàng, họ Trần, họ
Nguyễn cùng bách gia trăm họ
trong thôn Bản Lúc, xã Bảo Hà,
huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai chuẩn
bị lễ vật cúng tế các thần, đồng
ruộng, làm hội vui xuân*

Dân làng thành tâm kính lễ

*Có lợn có gà, có ba, có bảy mâm
com*

*Có rượu, có xôi, có trà, có thuốc,
có trâu, có cau,...*

*Mời các ngài về cùng nhau âm
hưởng*

*Phù hộ độ trì cho Bảy mươi nhà
lợp lá ba mươi nhà lợp gianh*

*Phù hộ cho dân làng mạnh khỏe
không ốm, không đau*

Phù hộ cho dân làng chăn nuôi tốt

*Nuôi vịt, nuôi gà đẻ trứng, lớn
nhanh*

Nuôi lợn đầy gặm sân, đầy chuồng

*Làm ruộng làm lúa mưa thuận gió
hòa mùa màng tươi tốt*

*Thần cấm: Gà không được gáy gở,
hổ không được vào làng*

*Thần cấm: mèo không được kêu
dưới gặm sàn, cây bay không được
kêu sau nhà*

- Cùm au liệng quá hẩu mìn gòng liên
khong hẩu mìn khữn, liệng pát hẩu
mìn khái, liệng cái hẩu mìn pe

- Liệng mu hẩu mìn tâm tẩu lang lâm
làng mạy mạ

- Hệt khẩu hẩu mìn cặp pe hết nà hẩu
mìn cặn đản

- Cùm au bươn chắt bấu đẫy phuân
nạm nòng mà, bươn hẩu bấu đẫy nạm
nòng loạt

- Còi cãm cái bấu đẫy kẩn khản thừa
bấu đẫy khẩu bản

- Còi cãm mèo bấu đẫy ngáo tẩu lang

- Báng bấu đẫy lọng lẳng lườn

- Còi cụ au lục cá bản cùm au lan cá
mường còi dất tọng ón đón tong van
lục lan so đẫy nhất âm nhất dương
lay đế lay đế.

Phù hộ: cho con của bản, cho cháu
của làng

Thần thánh nhủ lòng thương chứng
minh, chứng giám cho chung con
xin được nhất âm, nhất dương

Kính lạy, kính lạy!

Kết thúc nghi lễ cúng tại đền, mọi người di chuyển ra sân tổ chức lễ hội phía trước đền. Tại đây, người già làng sẽ tiến hành nghi lễ cúng ở chân cột còn để khai còn. Các thanh niên nam – nữ chia thành hai đội để ném thùng vòng còn cầu mong ngũ cốc phong đăng. Sau khi vòng còn bị ném thùng, thầy cúng hóa vàng, mọi người cùng di chuyển vào sân chính của đền để tiếp tục tổ chức lễ tế. Đội xòe sẽ của thôn sẽ trình diễn 4 điệu múa nghi lễ gồm: Xòe cầu mùa, múa dâng lễ, múa cất khăn, cất nhạc. Tại khu ruộng phía trước cổng đền, người dân trong thôn đã chuẩn bị sẵn trâu và cày để tiến hành đường cày khai hội xuống đồng. Đại diện cho lãnh đạo xã Bảo Hà sẽ thực hiện đường cày này với mong muốn một năm mùa màng bội thu, người người ấm no hạnh phúc. Kết thúc phần nghi lễ các gia đình và du khách thập phương sẽ vào đền dâng lễ, dâng hương cầu các vị thần che chở, phù hộ cho một năm nhiều may mắn.

Nam, nữ thanh niên, người già, người trẻ cùng nhau hòa mình vào các trò chơi dân gian như ném còn, đánh é, chơi quay, chơi đu,... khi đã thấm mệt, các thành viên trong cộng đồng cùng nhau ăn bữa cơm cộng cảm và cùng nhau múa xòe thể hiện tình đoàn kết.

Đến năm 2005, khi ngôi đền được tôn tạo trở nên kiên cố và mở rộng về quy mô, lễ hội đền Làng Lú vẫn tiếp tục duy trì tổ chức. Tuy nhiên, bắt đầu từ đây, việc chuẩn bị mâm lễ cúng riêng của các gia đình đã được thay thế bằng mâm lễ cúng chung của làng. Đến tham dự lễ hội đền Làng Lú không chỉ có người dân trong thôn mà đã thu hút đông đảo người dân trong khắp các thôn của xã Bảo Hà và du khách thập phương. Sau khi kết thúc phần nghi lễ tại đền họ cùng hòa mình vào các trò chơi dân gian, các điệu xòe truyền thống tại sân nhà văn hóa của thôn, bên cạnh dòng suối Lú và kết thúc lễ hội bằng bữa cơm thăm tình đoàn kết.

Đến với lễ hội Đền Làng Lú, các thành viên tham dự lễ hội đều mong muốn được các vị thần linh phù hộ, che chở. Họ cùng nhau thành kính dâng nén hương thơm mong thần linh phù hộ cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, con người được khỏe mạnh, bình an. Những người đi làm ăn xa, mỗi dịp lễ hội lại tề tựu đông đủ mong được sự che chở của chư vị thần linh cho công việc của họ làm ăn tấn tới và phát triển. Các du khách thập phương khắp xa gần không ai bảo ai, đến ngày hội đền họ đều tề tựu đông đủ, chỉnh trang lễ vật thành tâm dâng lên với tấm lòng biết ơn các vị thần linh đã phù hộ cho họ công việc làm ăn của họ trong một năm thuận buồm xuôi gió, thành kính xin các thần tiếp tục phù hộ cho họ trong năm tiếp theo. Mỗi người đến lễ đền với một tâm thế riêng nhưng chung quy cũng để cảm tạ ơn thần linh phù hộ trong một năm qua và cầu các vị ban cho họ bình an, tài lộc trong năm mới. Trong ngày diễn ra lễ hội cũng là một dịp để nhân dân và du khách tưởng nhớ công đức của chư vị thần linh, ôn lại truyền thống đấu tranh kiên cường trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc và phát huy tinh thần đó trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc ngày nay.

2. Hội chọi trâu Làng Lú

Hội chọi trâu Làng Lú là ngày hội đã có từ lâu đời, cụ thể từ thời gian nào cũng không còn ai nhớ. Nhưng từ khi xuất hiện ngôi đền Làng Lú, xuất hiện của nghĩa quân do ông Hoàng Bảy dẫn đầu thì cũng là lúc hội chọi trâu được tổ chức lớn và quy mô hơn. Sau này, hội chọi trâu mỗi năm đều diễn ra hai lần tại khu vực cánh đồng Làng Lú. Lần đầu tổ chức là vào dịp lễ hội đền Làng Lú và lễ hội xuống đồng của người Tày thôn Lú. Buổi sáng ngày mùng 7 tháng Giêng, các gia đình trong thôn bản sẽ chọn những con trâu đực to, khỏe nhất để đưa ra tham gia vào hội chọi trâu. Mục đích chính của ngày hội này là để cầu cho mưa thuận gió hòa, chăn nuôi phát triển và cũng là dịp để lựa chọn ra những

con trâu khỏe nhất, đẹp nhất chuẩn bị cho hội chơi trâu trong lễ hội đền Bảo Hà vào ngày 17/7 âm lịch hằng năm.

Theo truyền thuyết, lễ hội chơi trâu Bảo Hà được diễn ra từ khi Ông Hoàng Bảy dẫn quân lên trấn ải vùng châu Văn Bàn, châu Thủy Vĩ. Cứ vào ngày đầu xuân năm mới, ông lại cho quân sĩ huy động nhân dân trong vùng đưa trâu ra tham gia ngày hội nhằm khuyến khích người dân nuôi trâu làm sức kéo, vừa chọn ra những con trâu to khỏe để làm công cụ kéo cày, kéo gỗ và kéo xe vận chuyển hàng hóa, quân lương. Ngoài ra, trước khi dẫn quân lên đánh đuổi giặc dã vùng biên giới Lào Cai, ông đều cho tổ chức chơi trâu, lựa chọn lấy con trâu thắng cuộc để mổ lấy thịt khao quân, mọi người tin rằng được ăn miếng thịt trâu này thì sẽ có được sức khỏe, sẽ gặp nhiều may mắn khi ra trận¹⁴.

Sau này, mặc dù ông Hoàng Bảy không còn, nghĩa quân đã hoàn thành nhiệm vụ được triều đình giao phó, nhưng tục lễ tổ chức lễ hội chơi trâu vào đầu năm mới để cầu may, cầu cho mùa màng tốt tươi và để làm nóng bầu không khí của ngày hội vẫn được dân bản tổ chức. Đây là một phần nghi lễ thiêng của lễ hội xuống đồng của người Tày ở Bảo Hà nói chung và làng Lúc nói riêng, mặc dù mấy năm trở lại đây, do lệnh cấm tổ chức lễ hội chơi trâu, thì hình thức chơi trâu vẫn được cộng đồng quan tâm, nhớ đến vào mỗi dịp lễ hội được tổ chức. Lần thứ hai trong năm là trước lễ hội đền Bảo Hà hằng năm. Theo truyền thống, trước lễ hội đền Bảo Hà, nhân dân luôn tổ chức hội chơi trâu nhằm tìm ra con trâu thắng cuộc để dâng lên Quang Hoàng Bảy. Con trâu này phải là trâu đực to khỏe và đây là con trâu chiến thắng trong hội chơi trâu Làng Lúc. Tuy nhiên, trong mấy năm trở lại đây, lễ hội chơi trâu không được tổ chức, nhưng tục lệ hiến trâu trong lễ hội đền Bảo Hà thì vẫn được lưu giữ và thực hành như xưa.

Về việc mổ trâu khao quân sĩ của ông Hoàng Bảy xưa. Theo truyền thuyết, vào cuối triều Lê thế kỷ 18, danh tướng Nguyễn Hoàng Bảy được cử lên vùng Tây Bắc để trấn ải biên cương đánh đuổi giặc phương Bắc tràn xuống xâm chiếm nước ta. Vào thời kỳ đó, ngoài việc dùng ngựa thì những con trâu to khỏe vẫn được dùng để vận chuyển quân lương nuôi quân sĩ chống giặc, sau mỗi trận đánh thắng lớn, ông lại cho dân bản đưa trâu ra tham gia hội chơi trâu vào những ngày đầu tiên của năm mới nhằm động viên tinh thần quân sĩ. Cùng với đó, mọi người cũng quan niệm con trâu chiến thắng trong hội chơi cũng được coi là điềm

¹⁴ Theo lý lịch khoa học di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “Lễ hội đền Bảo Hà”

lành, bởi con trâu chiến thắng luôn được xem là sự hội tụ khí thiêng trời đất, nó mang trong mình sức mạnh, sự bền bỉ, dẻo dai. Cũng chính vì lý do đó, nên trước khi dẫn quân ra trận để đánh đuổi giặc giã, danh tướng Hoàng Bảy đều hạ lệnh mổ con trâu chiến thắng trong hội chọi trâu để khao quân sỹ, ông tin rằng mỗi miếng thịt trâu đều hàm chứa sức mạnh trời đất ban cho, quân sỹ được hưởng thụ thịt trâu sẽ có thêm sức mạnh để chiến đấu, đánh thắng kẻ thù xâm lược. Do đó, đạo quân của ông mỗi lần dẫn quân ra trận đều giành chiến thắng, đánh đuổi giặc chạy về biên kia biên giới.

VII. KHẢO TẢ DI TÍCH

1. Khuôn viên và kiến trúc ngôi đền

- Khuôn viên và các công trình phụ trợ:

Đền Làng Lú được xây dựng trên thế đất đẹp, phong thủy hữu tình. Đền nhìn về hướng Tây, phía trước là dòng suối Lú quanh năm nước chảy tạo cảm giác mát mẻ và không khí trong lành, phía sau đền tựa lưng vào núi. Bao quanh khuôn viên ngôi đền là những cây cổ thụ quanh năm xanh mát tạo cho không khí ngôi đền thêm cổ kính, linh thiêng và các công trình phụ trợ gồm cổng vào di tích, lầu Cô, lầu Cậu, miếu thờ Sơn Thần, Thổ địa, lò thiêu hương và các công trình khác gồm: nhà ở của thủ nhang, bếp, nhà khách, công trình vệ sinh, các sân bao xung quanh ba phía của ngôi đền đều được lát gạch và lợp mái tôn sạch sẽ.

Sân đền được nâng cấp vào năm 2012, bao xung quanh đền chính có diện tích khoảng 100 mét vuông, lát bằng gạch đỏ, phía trên được lợp mái tôn, thuận lợi cho việc chiêm bái của du khách và nhân dân. Phía trước sân đền thẳng cửa chính lệch về phía bên phải là cây hương thờ Mẫu Cửu Trùng Thiên được đặt phía bên ngoài lan can sắt bao quanh sân. Nhìn thẳng từ cửa chính của đền về phía trước sân có đặt một lư hương to và hai bên đặt hai cây đèn đá để nhân dân và du khách có thể dâng hương ở phía ngoài, đảm bảo an toàn phòng cháy nổ cho di tích.

Nhìn từ cửa chính của ngôi đền ra phía sân trước, bên tay phải là Lầu Cô, phía bên tay trái là Lầu Cậu được xây dựng và bài trí giống nhau, hướng nhìn về đền chính. Mỗi lầu có diện tích khoảng 1,7 mét vuông, toàn bộ tường được xây bằng gạch đỏ, trát vữa, sơn đồng màu với tòa đền chính, mái dán ngói đỏ. Hai bên hồi đều được trổ cửa sổ. Tượng Cô và Tượng Cậu được đặt trong khám thờ, phía trước đặt bát hương bằng sứ.

Miếu thờ Sơn Thần nằm kế tiếp Lầu Cô có diện tích khoảng 5 mét vuông, được xây bằng gạch đỏ, chát bê tông và sơn cùng màu với tòa đền chính. Phần mái được dán ngói mũi hài màu đỏ, bốn góc mái được trang trí hình 4 con rồng vàng. Miếu thờ Sơn Thần quay thẳng về hướng Tây, bên trong miếu là ban thờ Sơn Thần và bài vị đặt trên ngai.

Miếu thờ thần Thổ Địa nằm ở phía dưới Lầu Cậu, có diện tích khoảng 1,6 mét vuông hướng nhìn về hướng đông nam. Phần tường của ngôi miếu được xây bằng gạch, trát vữa sơn cùng màu với đền chính. Phần mái được đỡ bằng hệ thống vì, kèo, rui, mè bằng gỗ và lợp ngói đỏ. Bên trong miếu đặt tượng thần Thổ Địa ngồi trên ngai, phía trước ban thờ đặt một bát hương bằng sứ.

Am hóa vàng được xây dựng về phía bờ suối Lúc ở phía bên phải của tòa đền chính. Lối đi xuống am hóa vàng được lát xi măng và lợp mái tôn để che mưa, che nắng thuận tiện cho nhân dân và du khách hóa vàng sau mỗi khóa lễ.

Các công trình phụ trợ của di tích gồm có: bếp, nhà thường trực của thủ nhang, nhà khách, công trình vệ sinh.

Bếp nằm ở phía sau tòa đền chính, có diện tích khoảng 35 mét vuông, được xây kiên cố bằng gạch, trát vữa và sơn cùng màu với tòa đền chính. Mái của gian bếp được lợp bằng tấm lợp bờ lô xi măng. Đây là nơi hàng ngày thủ nhang thường trực, và chuẩn bị lễ vật vào ngày rằm, mùng một hàng tháng, lễ trọng trong năm.

Nhà thường trực của thủ nhang nằm kế bên hậu cung của tòa đền chính được xây bằng gạch đỏ, trát vữa, quét vôi ve màu vàng chanh, mái lợp ngói đỏ. Căn phòng rộng khoảng 10 mét vuông. Đây là nơi sinh hoạt, ngủ nghỉ của thủ nhang coi sóc ngôi đền.

Nhà khách là ngôi nhà cấp bốn nằm kế tiếp sau ngôi bếp. Trước đây, nhà khách là nhà văn hóa, nơi sinh hoạt chung của thôn, những năm gần đây xã đã xây được nhà văn hóa thôn ở vị trí mới, nên nhà văn hóa cũ này được quy hoạch thành công trình phục vụ cho đền Làng Lúc. Nhà khách được chia làm hai gian. Một gian lớn như hội trường được dùng phục vụ ăn uống, họp bàn khi diễn ra các công việc lớn của đền.

Công trình nhà vệ sinh cũng được xây kiên cố đồ mái bằng, chia thành hai gian. Vị trí nhà vệ sinh nằm cách xa tòa đền chính và ở vị trí thấp hơn hẳn so với các hạng mục khác luôn được người trông coi đền vệ sinh sạch sẽ.

Nhìn chung các công trình phụ trợ của di tích khá nhỏ được xây dựng chưa kiên cố, thiếu quy hoạch nên chưa đạt yêu cầu và quy mô của ngôi đền. Sau khi

được xếp hạng, di tích cần được tu bổ cho kiên cố và phù hợp với kiến trúc chung của các ngôi đền ở Việt Nam sẽ thuận lợi hơn cho việc phát huy giá trị.

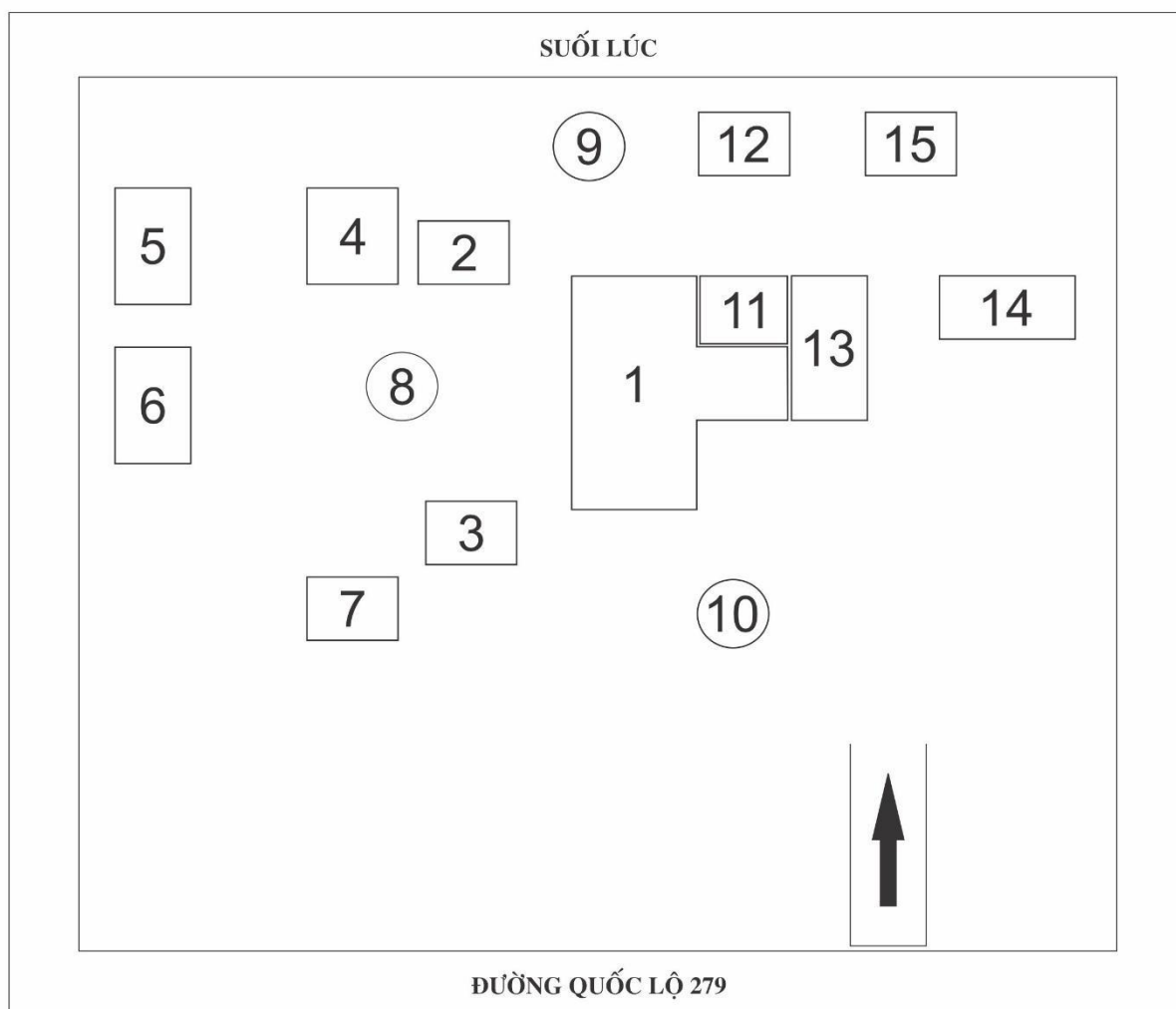
- Kiến trúc tòa đền chính:

Kiến trúc của ngôi đền không có gì đặc biệt và chưa có tính thẩm mỹ cao do nguồn kinh phí xây dựng chỉ nhờ vào sự đóng góp của người dân địa phương trong điều kiện còn khó khăn và công đức của du khách thập phương.

Tòa đền chính được khởi dựng vào năm 1996. Đền chính nhìn về hướng Tây, được kiến trúc theo kiểu hình chữ đinh (丁) gồm một tòa đại bái (Tiền tế) ba gian với tổng diện tích khoảng 40 mét vuông; Gian trung từ có diện tích khoảng 20 mét vuông và 1 gian hậu cung khoảng 10 mét vuông.

Tường, vách bao quanh ngôi đền được xây dựng bằng gạch đỏ, chất bê tông, sơn tường màu vàng nhạt. Mái đền được lợp bằng ngói vảy màu đỏ. Các vì kèo, rui, mè đỡ mái được làm bằng gỗ, toàn bộ phần mái được gói trên tường nhà, bên trong không dùng cột đỡ, chỉ có hai cột đỡ bên ngoài hiên bằng bê tông cốt thép được trang trí hình con rồng uốn lượn bao quanh nửa dưới thân cột. Nền nhà được lát bằng đá hoa. Từ sân bước vào đền được làm bậc tam cấp và có hè ở dưới mái hiên. Cửa chính của ngôi đền được làm theo dạng cửa xếp, chất liệu bằng sắt.

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG DI TÍCH ĐỀN LÀNG LÚC



Chú thích:

- | | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Tòa đền chính | 8,9,10. Sân đền |
| 2. Lầu Cô | 11. Nhà thường trực của thủ nhang |
| 3. Lầu Cậu | 12. Am hóa vàng |
| 4. Miếu thờ Sơn Thần | 13. Bếp |
| 5. Cây hương thờ Mẫu Cửu Trùng Thiên | 14. Nhà khách |
| 6. Lư hương | 15. Nhà vệ sinh |
| 7. Miếu thờ Thổ Địa | |

2. Bài trí tượng thờ

Đền chính gồm Tiền tế 3 gian – 1 gian trung từ - 1 gian hậu cung. Ở tiền tế, tại gian giữa, ở ban thờ cao nhất đặt tượng Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu. Cả

ba bức tượng đều được đặt trong khám thờ sơn son thiếp vàng. Ban thờ thứ hai thấp hơn đặt tượng thờ Ngũ vị Tôn Quan trong tủ kính. Hai bên bục làm lễ dưới ban thờ Ngũ vị Tôn Quan đặt hai bức tượng Cậu. Hạ Ban đặt bên dưới là ban thờ Quan Ngũ Hổ có một bát hương sứ chưa có tượng thờ.

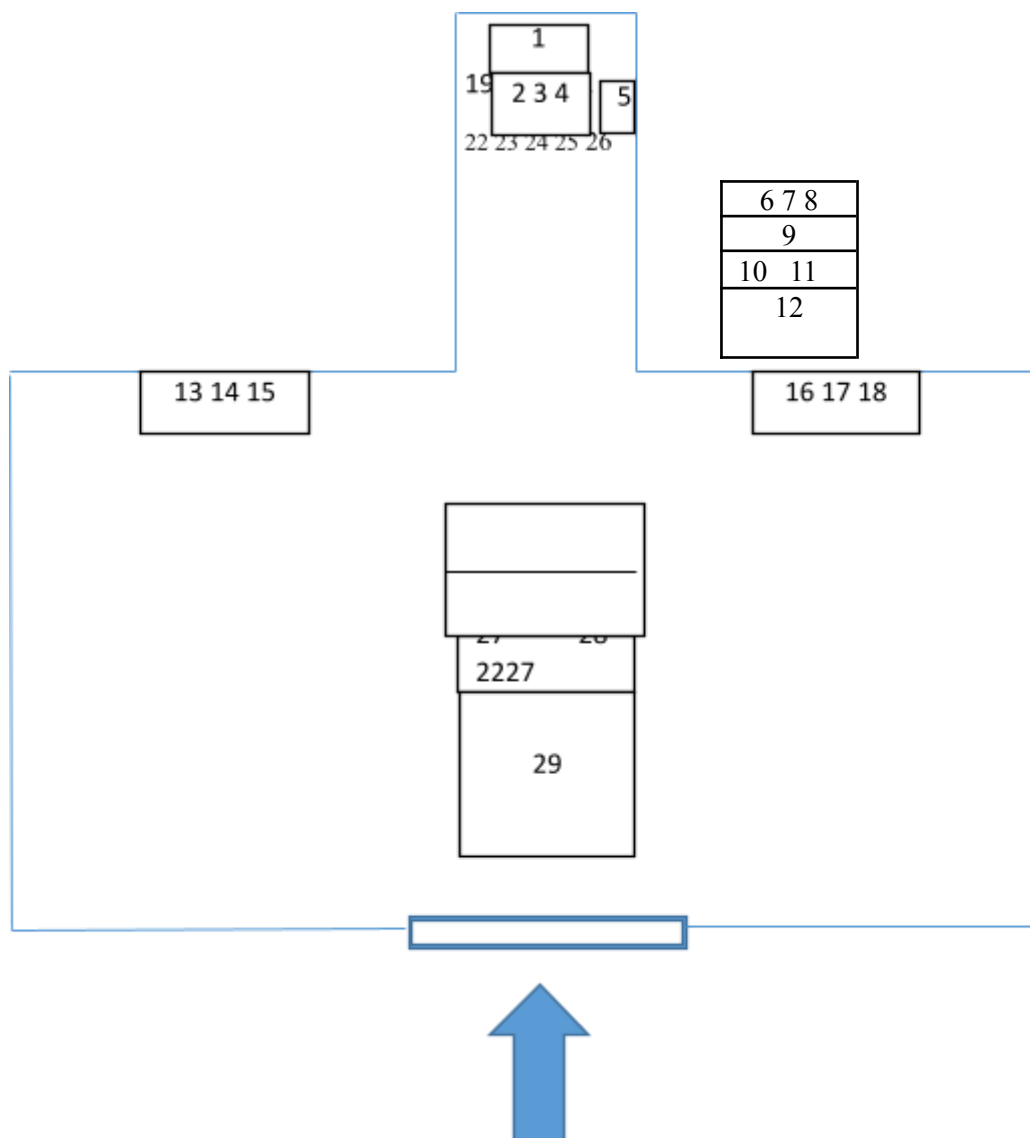
Nhìn từ phía cửa đền vào gian bên phải của tiền tế đặt ban thờ Quan Trần Triều và hai thị nữ theo Hầu được đặt trong khám thờ sơn son thiếp vàng, phía trước ban thờ đặt bát hương bằng đồng. Gian thờ phía bên trái đặt tượng thờ Mẫu Thượng Ngàn và hai thị nữ hầu cận ở hai bên được đặt trong khám thờ bằng gỗ sơn son thiếp vàng.

Gian trung từ đặt tượng thờ Quan Hoàng Bảy đặt ở vị trí cao nhất. Tượng Quan Hoàng Bảy được đặt trong khám thờ, hai bên là tượng hai quan theo hầu. Bậc thứ hai là ngai thờ 3 vị tướng của Quan Hoàng Bảy cũng là 3 vị Thành Hoàng của Làng Lúc. Hai bên bục làm lễ đặt hai bức tượng Cậu.

Ở gian hậu cung, phía trên cùng là ban thờ Phật, đặt tượng Phật nghìn mắt nghìn tay. Bậc thứ 2 từ trên xuống, phía bên dưới ban thờ Phật là ban thờ Tam Tòa Thánh Mẫu. Tọa ở vị trí chính giữa là Mẫu Thượng Thiên mặc áo đỏ, bên tay trái Mẫu Thượng Thiên là Mẫu Thoải Cung, bên phải là Mẫu Địa. Tượng Mẫu được đặt trong khám thờ, bài trí theo chiều ngang. Bên phải ban thờ Tam tòa Thánh Mẫu là ban thờ chủ tịch Hồ Chí Minh gồm 01 tượng Hồ Chí Minh bằng đồng và 01 bát hương bằng đồng.

Như vậy, trong tòa đền chính được bài trí theo kiểu tiền thánh, hậu Phật, một kiểu bài trí phổ biến ở các ngôi đền ở Việt Nam. Bên cạnh đền thờ chính, trong khuôn viên đền có lầu Cô, Lầu Cậu, miếu Quan Sơn Thần, Thổ Địa,... được lập và thờ phụng riêng.

Sơ đồ bài trí tượng thờ tòa đền chính:



Chú thích:

- | | |
|------------------------------------|---|
| 1. Tượng Phật Nghìn mắt nghìn tay | 13, 15. Tượng hâu cận của Mẫu Thượng Ngàn |
| 2. Tượng Mẫu Thượng Ngàn | 17. Tượng Quan Trần Triều |
| 3. Tượng Mẫu Thượng Thiên | 16, 18. Tượng hâu cận Quan Trần Triều |
| 4. Tượng Mẫu Thoải Cung | 19. Tượng Nam Tào |
| 5. Tượng Hồ Chí Minh | 20. Tượng Ngạc Hoàng |
| 6, 8. Tượng hâu cận Quan Hoàng Bảy | 21. Tượng Bắc Đẩu |
| 7. Tượng Quan Hoàng Bảy | 22, 23, 24, 25, 26. Tượng Ngũ vị Tôn Quan |
| 9. Ngai thờ 3 vị Thành Hoàng làng | 27, 28. Tượng Cậu |
| 10, 11. Tượng Cậu | 29. Tượng Bụt làm lễ |
| 12. Bực làm lễ | |
| 14. Tượng Mẫu Thượng Ngàn | |

VIII. NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA DI TÍCH

1. Giá trị về lịch sử

Di tích Đền Làng Lùc có bề dày hàng trăm năm tuổi được ra đời, tồn tại gắn liền với lịch sử phát triển của cộng đồng các dân tộc ở khu vực Bảo Hà. Trải qua những biến cố của lịch sử và nhiều cuộc chiến tranh, di tích đã nhiều lần bị tàn phá và khôi phục trở lại. Việc nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của ngôi đền cũng từng bước cho thấy những giai đoạn thăng trầm và biến động của lịch sử các dân tộc sinh sống trên mảnh đất Bảo Hà. Ngôi đền Làng Lùc khi mới khởi dựng chỉ là một ngôi miếu nhỏ để thờ Thành Hoàng làng, trải qua hàng trăm năm tồn tại đã được nhân dân và du khách thập phương quyên góp sức người, sức của để sửa sang, tôn tạo trở thành một ngôi đền khá khang trang như hiện nay.

Qua việc nghiên cứu về lịch sử phát triển của ngôi đền, về hệ thống các ban thờ, tượng pháp... cho thấy sự giao thoa về văn hóa, tín ngưỡng thờ thần tự nhiên, thờ Thành Hoàng làng của người Tày với tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt đã tạo nên bản sắc văn hóa riêng của đền Làng Lùc.

Hiện nay, các di vật còn lưu giữ được trong ngôi đền chỉ là chiếc chuông đồng nhỏ, đây là hiện vật hữu ích đối với các nhà nghiên cứu lịch sử khi tìm hiểu về lịch sử vùng đất này.

2. Giá trị về văn hóa

Di tích Đền Làng Lùc là một dấu ấn về văn hóa thể hiện sự pha trộn giao thoa văn hóa giữa miền ngược với miền xuôi, giữa tín ngưỡng người Việt với tín ngưỡng của người Tày. Từ hình thức là một ngôi miếu chỉ thờ ba vị Thành Hoàng làng và các vị sơn thần, thổ địa có quy mô nhỏ đã dần phát triển sang hình thức đền mở rộng về quy mô và các nhân vật thờ tự trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt. Tuy nhiên dù ở hình thức thờ phụng nào cũng đều hướng đến một mục đích chung là cầu mong sự phù hộ, che chở của các đấng thần linh để người dân trong vùng có cuộc sống ấm no, bình yên và hạnh phúc. Lễ hội đền Làng Lùc ngày mùng 7 tháng Giêng hàng năm gắn liền với lễ hội xuống đồng – bản sắc văn hóa truyền thống lâu đời của người Tày là một hoạt động văn hóa mang tính chất tổng hợp. Các nghi lễ trong đền Làng Lùc được kết hợp với nghi lễ và các trò chơi dân gian truyền thống trong lễ hội xuống đồng của người Tày tạo thành một hiện tượng văn hóa tổng hợp, thể hiện sự giao thoa văn hóa giữa tín ngưỡng của người Việt với tín ngưỡng của người Tày.

Trong suốt chiều dài lịch sử tồn tại, ngôi đền luôn là nơi lưu giữ, thực hành và trao truyền các di sản văn hóa trong tín ngưỡng thờ Tứ phủ của người Việt, các nghi lễ trong lễ hội Xuống đồng (Lồng tồng) của người Tày, hội chơi trâu truyền thống, các bài hát, điệu múa then đặc trưng của người Tày.

3. Giá trị về phát triển du lịch tâm linh

Các di sản văn hóa đặc biệt là các di tích lịch sử văn hóa – danh lam thắng cảnh là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Từ xa xưa các di tích đã trở thành điểm tựa tinh thần cho người dân trong sinh hoạt, lao động, sản xuất, trong các cuộc chiến tranh vệ quốc,... và hiện nay nhu cầu hưởng thụ, thưởng thức loại hình văn hóa này ngày càng cao. Thực tế phát triển du lịch cũng cho thấy, các di sản văn hóa, di tích danh thắng có sức hấp dẫn đặc biệt, chính bởi vậy nên trong thời gian qua việc đầu tư khai thác các giá trị văn hóa truyền thống phục vụ phát triển du lịch trong thời gian qua luôn được cả xã hội quan tâm, đặc biệt là du lịch tâm linh.

Di tích Đền Làng Lùc có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch tâm linh đó là sự kết hợp đặc sắc giữa các nghi lễ của Đền với lễ hội xuống đồng truyền thống của người Tày; là sự linh thiêng với rất nhiều câu chuyện huyền bí về các vị Thành Hoàng làng đã phù hộ cho cuộc sống của nhân dân và du khách gần xa,... Thêm vào đó di tích Đền Làng Lùc với bề dày lịch sử lâu đời, lại tọa ở vị trí đẹp gần đường quốc lộ 279 và sông Hồng thuận tiện cho du khách hành hương ghé thăm. Ngôi đền ở vị trí thuận lợi để kết nối với các điểm đền khác đặc biệt là đền Bảo Hà, đền Cô Tân An, đền Kim Sơn – đây là những ngôi đền lớn và thu hút đông đảo du khách chiêm bái trong cả nước.

Đền Làng Lùc hiện nay có rất nhiều lợi thế để phát triển du lịch tâm linh. Về vị trí địa lý, ngôi đền nằm bên bờ sông Hồng trong tuyến du lịch tâm linh Đông Công, Bảo Hà, Tân An, thành phố Lào Cai. Dọc theo tuyến sông Hồng đã có các di tích vô cùng nổi tiếng đó là đền Đông Công, đền Bảo Hà, đền Cô, đền Đôi Cô, đền Thượng sẽ là nhịp cầu thuận lợi đưa Đền Làng Lùc đến gần với du khách khắp cả nước. Bên cạnh đó đã có nhiều di tích tâm linh dọc sông Hồng mới được công nhận như di tích đền Hai Cô, xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên; đền Cô Ba, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng cũng đang ngày càng thu hút đông đảo khách viếng thăm. Các di tích đền Cô, xã Tân An, đền Bảo Hà, xã Bảo Hà chỉ cách Đền Làng Lùc vài km đã có lịch sử lâu đời, vô cùng nổi tiếng và là khu di tích tâm linh trọng điểm của vùng Tây Bắc sẽ là nhịp cầu quan trọng đưa du khách đến với di tích Đền Làng Lùc trong tương lai.

Với bề dày hàng trăm năm tuổi và sự linh thiêng, uy nghiêm của ngôi đền, rất nhiều du khách từ nơi xa đã đến lễ bái, phát tâm công đức. Theo số liệu thống kê của thủ nhang Đền Làng Lùc trong sổ ghi chép, ước tính mỗi năm đón hàng vạn lượt khách từ các địa phương khác đến viếng thăm đền. Lượng khách này chủ yếu di chuyển từ đền Cô, đền Bảo Hà sang Đền Làng Lùc lễ bái. Một lượng khách khác từ thành phố Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Hải Dương, Đồng Nai, Phú Thọ, Yên Bái, thành phố Hồ Chí Minh,... hàng năm cũng đến đền vào mỗi dịp tháng Giêng xin lộc và lễ tạ ở đền vào dịp cuối năm. Những vị khách này thường đi theo đoàn, họ biết đến Đền Làng Lùc bởi sự linh thiêng qua lời giới thiệu của bạn bè, qua sự báo mộng của các vị thần,... mà tìm về chiêm bái, thưởng ngoạn. Những người dân sinh sống quanh khu vực đền Bảo Hà, quanh năm tấp nập buôn bán nhưng vào mỗi dịp cuối năm hay lễ hội Đền Làng Lùc, họ đều sắp xếp thời gian, có khi là buổi tối vẫn không quản ngại đường xa đến lễ đền.

Với sự linh thiêng của ngôi đền, cùng tâm huyết của toàn thể nhân dân làng Lùc, sau khi được UBND tỉnh xếp hạng, Đền Làng Lùc hứa hẹn sẽ là một điểm đến quan trọng trong tuyến du lịch tâm linh dọc sông Hồng và sẽ có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

IX. HIỆN TRẠNG VÀ CÁC PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ DI TÍCH

1. Hiện trạng di tích

Trải qua những thăng trầm của lịch sử và nhiều lần tu sửa, đền Làng Lùc hiện nay vẫn được xây dựng nguyên ở vị trí ban đầu và mở rộng, nâng cấp. Ngôi đền hiện được xây bằng gạch, trát xi măng kiến trúc theo kiểu hình chữ Đinh (J) gồm có phần Tiền tế 3 gian – Trung từ – Hậu cung.

Trải qua nhiều lần tu sửa, di tích Đền Làng Lùc hiện nay được xây dựng trong khu vực vị trí nền đất cũ và được xê dịch về phía bên trong bờ sông để mở rộng khoảng sân phù hợp với nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân. Tuy nhiên, do hạn chế về kinh phí và nguồn nhân lực quản lý phát huy giá trị của di tích nên ngôi đền được xây dựng đơn sơ, chưa đảm bảo yêu cầu về mặt kiến trúc truyền thống. Các công trình phụ trợ còn nhỏ, hẹp, thô sơ chưa đáp ứng tốt nhu cầu của du khách tham quan, lễ bái. Cơ sở hạ tầng của ngôi đền hiện chưa tương xứng với vị trí và tiềm năng phát triển du lịch tâm linh.

Diện tích của ngôi đền chính và hậu cung nhỏ hẹp ảnh hưởng đến việc khai thác và phát huy giá trị di tích. Sau khi được xếp hạng, cần có phương án nâng cấp, ban quản lý đền cần có phương án sắp xếp lại các ban thờ, bệ, tượng thờ tạo

không gian linh thiêng, uy nghiêm, phù hợp với nội dung của di tích, làm nổi bật nhân vật thờ tự chính, thuận lợi cho du khách và nhân dân chiêm bái.

2. Các phương án bảo vệ và phát huy giá trị di tích

Nhận thấy vai trò và giá trị quan trọng của di tích Đền Làng Lú, UBND huyện Bảo Yên đã tham mưu đề xuất với UBND tỉnh đưa ngôi đền vào danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018 – 2023 nhằm quy hoạch, bảo vệ và tiến tới xếp hạng di tích. Để làm tốt công tác quản lý di tích, UBND xã Bảo Hà đã lập ban quản lý đền do các cụ cao niên trong làng Lú trực tiếp trông coi, dọn vệ sinh và hướng dẫn, tổ chức cho nhân dân, du khách thập phương đến lễ bái đúng các quy định của pháp luật.

Đền Làng Lú hiện nay đã thu hút được rất nhiều khách thập phương đến tham quan, lễ bái. Danh tiếng và sự linh thiêng của ngôi đền đã nổi tiếng gần xa, được rất nhiều người biết đến. Họ từ nhiều miền tổ quốc về đền lễ bái xin sự phù hộ của Hai Cô và phát tâm công đức để phát triển ngôi đền được khang trang hơn. Trong tương lai không xa, Đền Làng Lú sẽ là một điểm đến quan trọng, một địa chỉ đỏ trong tuyến du lịch tâm linh dọc sông Hồng và sẽ đem lại nhiều lợi ích cho việc phát triển kinh tế của địa phương.

Việc xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với di tích Đền Làng Lú là việc làm quan trọng để tiếp tục bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di tích theo các quy định của Luật Di sản văn hóa. Đền Làng Lú sau khi được xếp hạng sẽ trở thành điểm sinh hoạt tín ngưỡng quan trọng của nhân dân địa phương và đông đảo du khách thập phương thể hiện lòng tôn kính với ông Hoàng Bảy và ba vị tướng lĩnh của ông, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của người Việt Nam.

Chính quyền địa phương cần quy hoạch mở rộng quỹ đất bảo vệ và phát huy giá trị di tích phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổ chức tuyên truyền vận động người dân tích cực tham gia đóng góp để nâng cấp ngôi đền trở thành điểm sinh hoạt tâm linh không những cho nhân dân địa phương mà còn thu hút đông đảo khách thập phương. Đồng thời, chính quyền cần huy động các nguồn vốn xã hội hóa, ngân sách địa phương tôn tạo ngôi đền cho khang trang, sạch đẹp.

Thành lập Ban quản lý Đền Làng Lú theo quy định tại Quyết định 04/2012/QĐ-UBND ngày 6/2/2012 của UBND tỉnh Lào Cai *Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện, tình tự thủ tục thành lập và cơ cấu*

của Ban quản lý di tích cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai để công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích đạt hiệu quả.

UBND huyện Bảo Yên cần chú trọng tổ chức các hoạt động kết nối phát triển du lịch tâm linh dọc sông Hồng, giới thiệu các giá trị của di tích đến đông đảo công chúng nhằm thu hút du khách đến với đền Làng Lùc.

X. KẾT LUẬN

Đền Làng Lùc là di tích có giá trị lịch sử, văn hóa quan trọng, là nơi thờ 3 vị Thành Hoàng làng – những người đã có công khai phá vùng đất và chống giặc ngoại xâm, một tấm gương sáng ngời về tinh thần yêu nước, xây dựng phát triển kinh tế và cũng là nơi thờ vọng Tướng Nguyễn Hoàng Bảy – vị anh hùng của dân tộc Việt Nam. Các vị đã được người dân vùng đất Bảo Hà tôn sùng, trở thành các vị thần luôn che chở, bảo vệ, chỗ dựa tinh thần trong cuộc sống của họ. Nhằm đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân xã Bảo Hà và đối chiếu với các quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Quy định nội dung hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, xếp hạng đền Làng Lùc là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

XI. XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ LẬP HỒ SƠ:

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lào Cai, ngày 2 tháng 4 năm 2021
NGƯỜI VIẾT LÝ LỊCH

Trần Sơn Bình

Vũ Thị Trang

BẢNG THỐNG KÊ HIỆN VẬT TRONG DI TÍCH ĐỀN LÀNG LÚC

Stt	Tên hiện vật	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Niên đại	Ghi chú
1	Bát hương đồng	5	Đồng	Cao: 25cm Đường kính: 20cm	2003	
2	Chuông	1	Đồng	Đường kính: 30cm Cao: 65cm	2005	
3	Ngai thờ	1	Gỗ		2005	
4	Bát hương sứ	5	Sứ	Cao: 25cm Đường kính: 20cm	2005	
5	Bạch xà, thanh xà	4	Vải	Dài: 200cm Đường kính: 8cm	2005	
6	Nón quan	2	Vải	Dài: 100cm Đường kính: 40cm	2005	
7	Tượng Quan Hoàng Bửu	1	Gỗ mít	Cao: 95cm Rộng: 70cm	2019	
8	Tượng Mẫu Thượng Thiên	1	Gỗ mít	Cao: 50cm Rộng: 35cm Đường kính đáy: 20cm	2005	
9	Tượng Mẫu Thượng Ngàn	1	Gỗ mít	Cao: 50cm Rộng: 35cm Đường kính đáy: 20cm	2005	
10	Tượng Mẫu Thoải Cung	1	Gỗ mít	Cao: 50cm Rộng: 35cm Đường kính đáy: 20cm	2005	
11	Tượng Quan Trần Triều	1	Gỗ mít	Cao: 60cm Đường kính thân: 20cm Chiều ngang rộng nhất: 30cm	2019	
12	Tượng hai thị nữ theo hầu Quan Trần Triều	2	Gỗ mít	Cao: 50cm Đường kính thân 15cm Chiều ngang rộng nhất: 20cm	2019	
13	Tượng Mẫu Thượng Ngàn	1	Gỗ mít	Cao: 60cm Đường kính thân: 20cm	2019	

				Chiều ngang rộng nhất: 30cm		
	Tượng hai thị nữ theo hầu Mẫu Thượng Ngàn	2	Gỗ mít	Cao: 50cm Đường kính thân 15cm Chiều ngang rộng nhất: 20cm	2019	
14	Tượng Ngũ vị tôn quan	5	Gỗ mít	Cao: 75; chiều ngang rộng nhất: 35; đường kính thân: 20	2019	
15	Tượng Cô	1	Gỗ mít	Cao: 50cm Đường kính: 25cm	2019	
16	Tượng Cậu	5	Gỗ mít	Cao: 50cm Đường kính đáy: 25cm	2019	
17	Tượng Quan Thổ Địa	1	Gỗ mít	Cao: 50cm Đường kính: 25cm	2019	
18	Tượng Phật nghìn mắt nghìn tay	1	Gỗ mít	Cao: 50cm Rộng: 50cm Chiều sâu: 30cm	2005	
19	Khám thờ	5	Gỗ, kính		2005	
20	Trống to	2	Gỗ, da	Đường kính: 85cm Dài trống: 100cm	2003	
21	Chuông cổ	1	Đồng	Đường kính 12cm; cao 10cm	Chưa xác định	
22	Tượng Nam Tào	1	Gỗ mít	Cao: 75; chiều ngang rộng nhất: 35; đường kính thân: 20	2019	
23	Tượng Bắc Đẩu	1	Gỗ mít	Cao: 75; chiều ngang rộng nhất: 35; đường kính thân: 20	2019	
24	Tượng Ngọc Hoàng	1	Gỗ mít	Cao: 75; chiều ngang rộng nhất: 35; đường kính thân: 20	2019	
25	Tượng Hài cận Quan Hoàng Bảy	2	Gỗ mít	Cao: 80cm Đường kính đáy: 18cm	2019	

DANH SÁCH NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Hoàng Đức Vân, sinh năm 1967, trú tại thôn Lúc, xã Bảo Hà.
2. Hoàng Văn Hùng, sinh năm 1971, trưởng thôn Lúc.
3. Hoàng Văn Ngoan, sinh năm 1963, trú tại thôn Lúc, xã Bảo Hà.
4. Hoàng Văn Dương, sinh năm 1964, phó bí thư chi bộ thôn Lúc.
5. Hoàng Thanh Bình, sinh năm 1938, trú tại thôn Lúc, xã Bảo Hà.
6. Ninh Thị Trường, sinh năm 1952, trú tại thôn Lúc, xã Bảo Hà.
7. Hoàng Thị Nù, sinh năm 1970, trú tại thôn Lúc, xã Bảo Hà.
8. Hoàng Thị Cát, sinh năm 1952, trú tại thôn Lúc, xã Bảo Hà.
9. Phạm Thị Tuyết, sinh năm 1960, trú tại thôn Lúc, xã Bảo Hà.
10. Hoàng Văn Thay, sinh năm 1947, trú tại thôn Lúc, xã Bảo Hà.
11. Ông Nguyễn Văn Chung, sinh năm 1963, trú tại xã Bảo Hà, nguyên chủ tịch xã Bảo Hà.
12. Ông Lưu Minh Lý, Bí thư chi bộ thôn Lúc, xã Bảo Hà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Đảng bộ xã Bảo Hà (2014), Lịch sử Đảng bộ xã Bảo Hà, NXB Thông tin và Truyền thông.
2. Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Yên, tập I và II, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên xuất bản.
3. Bảo Yên người và đất, Huyện ủy Bảo Yên và Hội Văn học – Nghệ thuật tỉnh Lào Cai phối hợp xuất bản, 1999.
4. Lý lịch di tích đền Bảo Hà, lưu trữ tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lào Cai.
5. Lý lịch khoa học di sản văn hóa phi vật thể Lễ hội đền Bảo Hà, lưu trữ tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai.
6. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (1992), Đạo Mẫu ở Việt Nam, Nxb Văn hóa – Thông tin.